

CÔNG TY CỔ PHẦN
HTC HOLDING
HCT HOLDING
JOINT STOCK COMPANY



CET HOLDING

Số/No.: 02/2025/CBTT-CET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Hanoi, March 31, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

Công ty/Company: Công ty Cổ phần HTC Holding/ *HTC Holding JSC*

Mã chứng khoán/*Securities Code*: CET

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Dương Thành Tín

Chức vụ/*Position*: Trưởng phòng Quan hệ nhà đầu tư/*Investor Relation Manager*

Địa chỉ/*Address*: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội /*No.4, 4th Floor, Daeha Building, 360 Kim Ma, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Ha Noi.*

Điện thoại/*Telephone*: (020)3 864617

Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Information disclosure type: ☐ 24 hours ☐ Requested ☐ Irregular ☒ Periodic

Nội dung công bố thông tin/*Content of Information disclosure*:

Công ty Cổ phần HTC Holding (CET) công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:
HTC Holding Joint Stock Company (CET) announces the Audited 2024 Financial Statement.



Giải trình biến động so với cùng kỳ/ Explanation of fluctuations compared to the same period:

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo tài chính/ <i>Financial Statement</i> ("BCTC"/ "FS")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)/ Profit after tax (dong)			
	2024	2023	Chênh lệch (1) so với (2)/ <i>Difference (1) compared to (2)</i>	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)/ <i>Difference (1) compared to (2) in percentage</i>
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3)/(2)*100
BCTC kiểm toán/ <i>Audited FS</i>	65.111.617	111.578.480	(46.466.863)	(41,65%)

Giải trình của công ty như sau: Trong năm 2024, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 65,1 triệu giảm 41,65% so với năm 2023 do (1) Trong 6 tháng đầu năm công ty đã thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh, xây dựng các chính sách bán hàng cạnh tranh làm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho cả năm lần lượt đạt 3,6 tỷ đồng, 2,2 tỷ đồng tăng lần lượt 21,80% và 284,31% so với cùng kỳ. (2) Trong 6 tháng cuối năm 2024 công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, không nhận đơn hàng mới nên trong không ghi nhận thêm doanh thu.

The company explains as follows: In 2024, the company's after-tax profit reached 65.1 million, down 41.65% compared to 2023 due to (1) In the first half of 2024, the company expanded its business operations and developed competitive sales policies, causing sales expenses and business management expenses for the whole year to reach 3.6 billion VND and 2.2 billion VND, respectively, up 21.80% and 284.31% over the same period. (2) In the second half of 2024, the company restructured its business operations and did not accept new orders, so no additional revenue was recorded.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: <https://cetholding.vn/> mục Quan hệ Nhà đầu tư.

This information has been published on our company's website: <https://cetholding.vn/> in Investor Relations section.

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE

REPRESENTATIVE

DUONG THANH TIN

142-C.T.C.P.
TY
N
ING
IA NỘI *

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã “CET”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
-

4. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện Pháp luật**Hội đồng Quản trị**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch	11/04/2024	
Ông Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch		11/04/2024
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch	11/04/2024	
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên		
Bà Lê Hoàng Đài Trang	Thành viên		11/04/2024
Ông Đỗ Văn Đạt	Thành viên	11/04/2024	
Ông Lý Thế Vinh	Thành viên	11/04/2024	
Bà Hà Lê Thúy Vy	Thành viên độc lập		
Bà Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên độc lập	11/04/2024	
Ông Trần Việt Tuấn	Thành viên độc lập	11/04/2024	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc		
Bà Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng Giám đốc		03/04/2024
Bà Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng		11/11/2024
Bà Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc tài chính		
Bà Trần Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	11/11/2024	

Ban Kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Hồ Thị Minh Hiếu	Trưởng ban	11/04/2024	
Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban		11/04/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên		
Ông Trịnh Quyết Tiến	Thành viên		

Đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Thế Tài
 Ông Nguyễn Quốc Phương

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

TM. Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)

Số: 391 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 từ trang 08 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần HTC Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Kiểm toán viên

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 1755-2023-142-1

501172
CÔNG TY
TNHH
H VU TU
HINH KE
KIEM TO
HIA NAM
TP HO

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.402.279.988	18.402.860.295
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	61.749.541	10.526.158.207
1. Tiền	111		61.749.541	10.526.158.207
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.771.637.433	7.653.178.316
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	254.720.400	1.155.880.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.155.880.000	6.487.592.960
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	18.000.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.361.037.033	9.705.356
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		568.893.014	223.523.772
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	7.780.001	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		561.113.013	223.523.772
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.498.867.701	64.684.769.906
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.06	49.000.000.000	64.600.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.000.000.000	64.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		498.867.701	84.769.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	498.867.701	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	84.769.906
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.901.147.689	83.087.630.201

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.480.779.262	15.732.373.391
I. Nợ ngắn hạn	310		4.480.779.262	15.732.373.391
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	100.978.979	152.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	43.603.037	121.046.931
3. Phải trả người lao động	314		113.000.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	276.829.745	100.000.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	3.500.000.000	15.064.806.959
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.367.501	446.367.501
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	67.420.368.427	67.355.256.810
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.420.368.427	67.355.256.810
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	60.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		446.367.502	446.367.502
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.474.000.925	6.408.889.308
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.408.889.308	6.297.310.828
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		65.111.617	111.578.480
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.901.147.689	83.087.630.201

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Thị Thanh Nhân

Trần Thị Thanh Nhân



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	85.209.344.106	93.726.778.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.209.344.106	93.726.778.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	80.550.160.150	89.621.680.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.659.183.956	4.105.098.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.158.568.259	257.971.957
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	826.574.001	679.320.426
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		722.631.153	676.578.629
8. Chi phí bán hàng	25		3.595.732.430	2.952.260.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.190.795.262	570.062.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		204.650.522	161.426.602
11. Thu nhập khác	31		-	24
12. Chi phí khác	32	VI.06	13.838.895	18.051.751
13. Lợi nhuận khác	40		(13.838.895)	(18.051.727)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		190.811.627	143.374.875
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	40.930.104	116.566.301
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.09	84.769.906	(84.769.906)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.111.617	111.578.480
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	11	18
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	11	18

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Thị Thanh Nhân

Trần Thị Thanh Nhân

Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

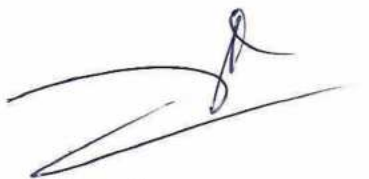
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

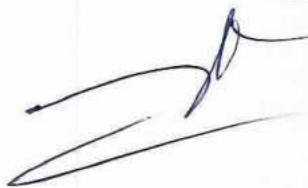
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		190.811.627	143.374.875
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.131.894.646)	(1.896.475)
- Chi phí lãi vay	06		722.631.153	676.578.629
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(218.451.866)	818.057.029
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		4.685.050.315	2.300.092.923
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		305.693.693	(7.003.801.942)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(506.647.702)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(722.631.153)	(676.578.629)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(118.180.873)	(288.116.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.424.832.414	(4.850.346.659)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.600.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		75.565.879	1.896.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.324.434.121)	1.896.475
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		14.969.000.000	30.064.806.959
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.533.806.959)	(15.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.564.806.959)	15.064.806.959
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.464.408.666)	10.216.356.775
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.526.158.207	309.801.432
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	61.749.541	10.526.158.207

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nhân

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Hoàng Anh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã “CET”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
-

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 3 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3 nhân viên).



II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

1172
NG T
NH
T
T
K
T
A
P H C

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

15. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

16. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

0117
ÔNG
TNHI
VỤ TI
INH K
KIỂM T
HIA NA
T.P H

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	50.924.655	2.522.274.655
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.824.886	8.003.883.552
Cộng	61.749.541	10.526.158.207

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	254.720.400	1.155.880.000
- Công ty TNHH Chế biến nông sản miền Tây	-	324.500.000
- Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên	-	831.380.000

b. Dài hạn**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần GAVI	1.155.880.000	6.487.592.960
- Các nhà cung cấp khác	-	6.211.892.960

b. Dài hạn**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY****a. Ngắn hạn**

(*)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Trung Kiên	18.000.000.000	-
- Bà Võ Thị Thanh Tuyền	9.000.000.000	-

b. Dài hạn**Ghi chú:**

(*) Khoản cho vay được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26.1/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 15/08/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 27.1/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 16/08/2024; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 12%/năm; Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.361.037.033	-	9.705.356	-
- Tạm ứng	782.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	2.390.000	-	-	-
- Phải thu về lãi cho vay	1.056.328.767	-	-	-
- Phải thu khác	520.318.266	-	9.705.356	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	520.318.266	-	9.705.356	-
b. Dài hạn	-	-	-	-

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	49.000.000.000		-	64.600.000.000		-
+ Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-		-	-		-
+ Đầu tư vào đơn vị khác	49.000.000.000		-	64.600.000.000		-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park (1)	49.000.000.000		-	49.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding (2)	-		-	15.600.000.000		-
Cộng	49.000.000.000		-	64.600.000.000		-

Ghi chú:

(1) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, tỷ lệ vốn góp 16,33%. Tại ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc các quy định hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(2) Thực hiện Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 09/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 14/03/2024, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần HTC Holding tại Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding.



7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	7.780.001	-
- Chi phí thuê nhà	4.780.000	-
- Chi phí khác	3.000.001	-
b. Dài hạn	498.867.701	-
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng công ty	439.284.369	-
- Chi phí khác	59.583.332	-
Cộng	506.647.702	-

8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	100.978.979	100.978.979	152.000	152.000
- Công ty Cổ phần Gavi	547.349	547.349	152.000	152.000
- Công ty TNHH Logi Decor	23.407.630	23.407.630	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Phía Nam	50.000.000	50.000.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	27.024.000	27.024.000	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	100.978.979	100.978.979	152.000	152.000

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	121.046.931	111.906.780	189.350.674	43.603.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.180.873	40.930.104	118.180.873	40.930.104
Thuế thu nhập cá nhân	2.866.058	60.826.676	61.019.801	2.672.933
Thuế khác	-	10.150.000	10.150.000	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	276.829.745	100.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	58.000.000	100.000.000
- Trích trước chi phí thuê văn phòng	218.829.745	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	276.829.745	100.000.000

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.500.000.000	3.500.000.000	14.969.000.000	26.533.806.959	15.064.806.959	15.064.806.959
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội	-	-	5.269.000.000	13.697.605.000	8.428.605.000	8.428.605.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	-	-	6.152.000.000	6.152.000.000	6.152.000.000
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	-	484.201.959	484.201.959	484.201.959
- Bà Nguyễn Thị Diệu Mỹ	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	-	-
- Ông Trương Khắc Trung	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	(1) 3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-

(1) Theo Hợp đồng vay số 1207/2024/HDV ngày 12/07/2024, hợp đồng có kỳ hạn 06 tháng, không áp dụng lãi suất. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.282.310.828	67.228.678.330
- Lợi nhuận trong năm	-	-	111.578.480	111.578.480
- Khác	-	-	15.000.000	15.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.408.889.308	67.355.256.810
Số dư tại ngày 01/01/2024	60.500.000.000	446.367.502	6.408.889.308	67.355.256.810
- Lợi nhuận trong năm	-	-	65.111.617	65.111.617
Số dư tại ngày 31/12/2024	60.500.000.000	446.367.502	6.474.000.925	67.420.368.427

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Trần Hoàng Cường	9.078.650.000	9.078.650.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	-	10.000.000.000
+ Bùi Thị Hải Yến	13.469.480.000	13.000.000.000
+ Trần Hoàng Anh Tuấn	10.440.520.000	6.960.000.000
+ Nguyễn Thế Tài	6.050.000.000	-
+ Các cổ đông khác	21.461.350.000	21.461.350.000
Cộng	60.500.000.000	60.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	6.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	6.050.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	186,63	57.635,83

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a. Tổng doanh thu	85.209.344.106	93.726.778.874
- Doanh thu bán hàng	85.209.344.106	93.726.778.874
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.550.160.150	89.621.680.320
Cộng	80.550.160.150	89.621.680.320

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.131.894.646	1.896.475
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.026.673.613	256.075.482
Cộng	2.158.568.259	257.971.957

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	722.631.153	676.578.629
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.942.848	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.741.797
Cộng	826.574.001	679.320.426

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	3.595.732.430	2.952.260.618
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.595.732.430	2.952.260.618
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	2.190.795.262	570.062.865
- Chi phí nhân viên quản lý	646.363.676	41.666.667
- Chi phí đồ dùng văn phòng	34.536.364	10.500.000
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.329.671	514.896.198
- Chi phí bằng tiền khác	34.565.551	-

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	13.818.683	15.607.102
- Các khoản khác	20.212	2.444.649
Cộng	13.838.895	18.051.751

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nhân công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
646.363.676	41.666.667
5.068.062.101	3.480.656.816
72.101.915	-
5.786.527.692	3.522.323.483

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế
 - + Các khoản điều chỉnh tăng
- Tổng thu nhập chịu thuế
- Tổng thu nhập tính thuế
 - + Thuế suất 20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Năm nay	Năm trước
190.811.627	143.374.875
13.838.895	439.456.629
13.838.895	439.456.629
204.650.522	582.831.504
204.650.522	582.831.504
20%	20%
40.930.104	116.566.301
40.930.104	116.566.301

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Năm nay	Năm trước
84.769.906	-
-	(84.769.906)
84.769.906	(84.769.906)

Ghi chú: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Thực hiện Quyết định của Ban Giám Đốc số 206/2024/QĐ-CET ngày 29/06/2024, Công ty hoàn nhập khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại năm 2023 số tiền 84.796.906 VND.

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận thuần phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
65.111.617	111.578.480
-	-
6.050.000	6.050.000
11	18

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
65.111.617	111.578.480
-	-
6.050.000	6.050.000
11	18

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.969.000.000	30.064.806.959
Cộng	14.969.000.000	30.064.806.959

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	26.533.806.959	15.000.000.000
Cộng	26.533.806.959	15.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****a. Các bên liên quan**

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	Đầu tư tài chính vào đơn vị khác (đến ngày 15/03/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	Đầu tư tài chính vào đơn vị khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	Cổ đông góp vốn lớn vào Công ty
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	Cùng thành viên ban điều hành
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	Cùng thành viên ban điều hành
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng
Tạ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023)
Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền tạm ứng		
Tạ Tiến Dũng	-	1.385.908.611
Nguyễn Quốc Phương	13.500.000.000	-
Tạm ứng		
Nguyễn Quốc Phương	13.500.000.000	-
Nhận tài sản của cổ đông để thế chấp cho khoản vay		
Giá trị ghi nhận theo mệnh giá của 3.903.865 cổ phiếu CET	-	39.038.650.000
Giá trị Bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	-	18.698.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	90.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	170.229.168	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	19.802.382.950	-
Mượn tiền		
Trần Hoàng Anh Tuấn	3.500.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	87.562.500	-
Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng	8.421.052	-
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng (đến ngày miễn nhiệm)	121.699.348	15.000.000
Cộng		217.682.900	15.000.000

Ghi chú: Trong năm, Công ty đang trong quá trình chuyển giao ban điều hành, tái cơ cấu nên các thành viên ban điều hành kiêm nhiệm và không nhận thù lao.

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính (Thuyết minh V.11)		
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	3.500.000.000	-

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu**Trần Thị Thanh Nhân****Kế toán trưởng****Trần Thị Thanh Nhân***Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025***Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị****Trần Hoàng Anh Tuấn***(Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT
số 01/2025/UQ-HĐQT-HTC ngày 18/03/2025)*